

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **130/2024/HNGĐ-ST**;

Ngày: 26 - 4 - 2024.

*V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi  
con chung”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO – TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Minh Quân;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Châu Văn Bình;

2. Ông Trương Hoàng Hoa;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Thành Khánh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 55/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Trần Thị Thu P** – sinh năm 1985;

Nơi cư trú: **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang**;

Chỗ ở hiện nay: **ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang**;

\* Bị đơn: **Nguyễn Duy B** – sinh năm 1985;

Nơi cư trú: **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang**;

*(Chị **P** có đơn xin xét xử vắng mặt; anh **B** vắng mặt không lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị **Trần Thị Thu P** trình bày:

- Về hôn nhân: Chị **Trần Thị Thu P** và anh **Nguyễn Duy B** tự nguyện cưới nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn ngày 26/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai người không còn hợp nhau, chị bất đồng quan điểm sống với gia đình bên chồng, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nhưng chị cũng cố gắng duy trì hôn nhân đến tháng 6/2023 thì ly thân với nhau. Nay thấy tình cảm thật sự không còn, nên chị xin được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Có 02 con tên **Nguyễn Ngọc Như Q** – sinh ngày 17/9/2010 và **Nguyễn Hoàng B1** – sinh ngày 01/5/2012, hiện hai cháu đang sống chung với chị P. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi hết 02 con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

\* Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 18/3/2024, bị đơn anh **Nguyễn Duy B** trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với chị P về thời gian và điều kiện kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, trong quá trình chung sống chị P có quen với người khác và thường hay nhắn tin qua lại với nhau, cho nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Vợ chồng anh mới ly thân với nhau vào tháng 6/2023, chị P xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn, nhưng anh vẫn còn thương vợ, nên không đồng ý ký tên ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung như chị P trình bày. Khi ly hôn 02 con chung muốn sống với ai thì người đó nuôi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

\* Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị **Trần Thị Thu P** là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

Về con chung: Giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là **Nguyễn Ngọc Như Q** – sinh ngày 17/9/2010 và **Nguyễn Hoàng B1** – sinh ngày 01/5/2012. Về cấp dưỡng nuôi con, chị P không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

*Về quan hệ pháp luật:* Chị **P** khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **B**, nên xác định đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn hiện cư trú tại **xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang**; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

*Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn:* Nguyên đơn chị **Trần Thị Thu P** có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn **Nguyễn Duy B** vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **P**, anh **B**.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị **Trần Thị Thu P**, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị **P** và anh **B** trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn, hôn nhân có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã **T, huyện C, tỉnh Tiền Giang** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59/2010 ngày 26/8/2010, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị **P** xin ly hôn anh **B** với lý do tính tình hai người không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm sống với gia đình bên chồng, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh **B** cũng trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, trong quá trình chung sống chị **P** có quen với người nam khác thường hay nhắn tin qua lại với nhau, cho nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Nay chị **P** xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn, nhưng anh vẫn còn thương vợ, nên không đồng ý ký tên ly hôn. Xét thấy hôn nhân giữa chị **P** và anh **B** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận cho chị **P** ly hôn với anh **B**.

[3] Về con chung: Có 02 con tên **Nguyễn Ngọc Như Q** – sinh ngày 17/9/2010 và **Nguyễn Hoàng B1** – sinh ngày 01/5/2012, hiện hai cháu đang sống chung với chị **P**. Khi ly hôn, chị **P** yêu cầu được tiếp tục nuôi hết 02 con chung, không yêu cầu anh **B** cấp dưỡng nuôi con. Anh **B** trình bày các cháu muốn sống với ai thì người đó nuôi.

Nguyên vọng của các con chung là muốn sống chung với cả cha và mẹ. Tuy nhiên, từ lúc anh chị ly thân với nhau cho đến nay, các cháu theo sống với chị **P**, được chị **P** tạo điều kiện đưa đón đi học hàng ngày, mặt khác xét chị **P** cũng có nghề

ng nghiệp ổn định, có điều kiện chăm lo đầy đủ về thể chất lẫn tinh thần cho các cháu phát triển, nên cần giao cho chị **P** trực tiếp nuôi dưỡng các cháu sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **P** không yêu cầu anh **B** cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị **P**, anh **B** đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị **P**, anh **B** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị **P** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị Thu P**. Cụ thể:

1. Cho chị **Trần Thị Thu P** được ly hôn với anh **Nguyễn Duy B**.

2. Về con chung: Giao chị **Trần Thị Thu P** trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên **Nguyễn Ngọc Như Q** – sinh ngày 17/9/2010 và **Nguyễn Hoàng B1** – sinh ngày 01/5/2012 cho đến khi trưởng thành. Ghi nhận việc chị **P** không yêu cầu anh **B** cấp dưỡng nuôi con.

Anh **Nguyễn Duy B** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Trần Thị Thu P** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0007227 ngày 21/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, xem như chị đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã Tân Thuận Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Minh Quân**